

Bản án số: 1308/2025/DS-PT

Ngày: 25/9/2025

V/v yêu cầu chấm dứt hành vi trái  
pháp luật

**NHÂN DANH NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Mộng Tuyết

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Trung Dũng

Bà Huỳnh Thị Thanh Tuyền

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Đặng Hùng Cường - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà Phạm Thị Mai - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 752/2024/TLPT-DS ngày 18 tháng 12 năm 2024 về việc “Yêu cầu chấm dứt hành vi trái pháp luật”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 183/2024/DS-ST ngày 20 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương (nay là Tòa án nhân dân khu vực 15 – Thành phố Hồ Chí Minh) bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 5599/2025/QĐXXPT-DS ngày 08 tháng 9 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 17104/2025/QĐ-PT ngày 15 tháng 9 năm 2025, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Bà Vương Ngọc D, sinh năm 1988; địa chỉ: số C đường số A, H, tổ A, khu G, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường P, Thành phố Hồ Chí Minh).

Người đại diện theo ủy quyền là ông Trần Ngọc G, sinh năm 1982; địa chỉ: thôn Y, xã Q, huyện H, tỉnh Thanh Hóa (nay là xã H, tỉnh Thanh Hóa); địa chỉ liên hệ: số F đường số B, L, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh; có mặt.

2. **Bị đơn:** Bà Lê Thị X, sinh năm 1959; địa chỉ: H, tổ H, khu I, phường C, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh); có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà X là ông Phạm Đình N, sinh năm 1986; địa chỉ: A, tổ I, khu phố C, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (nay là phường B, tỉnh Đồng Nai); có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà X là bà Lê Thị Mỹ H, là Luật sư thuộc Văn phòng Luật sư Võ Tấn Đ – Chi nhánh thành phố T, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H; có mặt.

*3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Ông Vương X1, sinh năm 1959; địa chỉ: H, khu I, phường C, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh); có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

3.2. Bà Lý Thu H1, sinh năm 1960; địa chỉ: N, khu I, phường C, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh); có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

3.3. Ông Vương T, sinh năm 1952, bà Lý V, sinh năm 1955; địa chỉ: số G, tổ H, khu I, phường C, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh); có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

3.4. Ông Vương Tấn P, sinh năm 1964; địa chỉ: H tổ H, khu I, phường C, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh); có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

3.5. Ông Vương H2, sinh năm 1956; địa chỉ: số A đường V, khu F, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh); có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

*4. Người làm chứng:* Ông Nguyễn Đức H3, sinh năm 1978; địa chỉ: H, tổ H, khu I, phường C, thành phố T (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh); vắng mặt.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn bà Lê Thị X.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 20/11/2022, đơn khởi kiện bổ sung ngày 09/3/2023, tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:*

Bà Vương Ngọc D là chủ sử dụng hợp pháp thửa đất số 193, tờ bản đồ số 66 (diện tích 184,5m<sup>2</sup>), tọa lạc tại phường C, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Quyền sử dụng đất này đã được Ủy ban nhân dân thành phố T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BU 915454, số vào sổ: CH03957 ngày 16/01/2015, cập nhật biến động ngày 09/6/2020.

Theo giấy chứng nhận, ranh giới phía Nam của thửa đất giáp với một đường đất, với chiều rộng phía Tây Nam là 5,3m và phía Đông Nam là 3,2m. Bà Lê Thị X là người quản lý, sử dụng phần đất đối diện với đất của bà D qua con đường này.

Bà D cho rằng bà X để đồng gạch trên lối đi khoảng 9m<sup>2</sup> cản trở việc đi lại nên bà D khởi kiện yêu cầu di dời đồng gạch và dỡ bỏ trụ sắt gây lấn chiếm lối đi chung, trả lại sự thông thoáng bình thường của lối đi chung.

*Quá trình tố tụng, bị đơn và người đại diện hợp pháp của bị đơn trình bày:*

Vợ chồng bà X và ông Vương L (chết năm 2007) có một phần đất dùng để sản xuất gồm sừ trong tổng diện tích đất của Cơ sở gồm Vương Tâm, địa chỉ tại phường C, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Phần đất này có nguồn gốc là do chồng bà X được phân chia vào năm 1981 theo Biên bản cuộc họp giải quyết tranh chấp ngày 29/7/1981 giữa những người trong thân tộc, được UBND phường C chủ trì hòa giải và công nhận sự thỏa thuận. Theo nội dung biên bản này, chồng bà X là ông Vương L được chia phần diện tích hàm số 4, 6 để sử dụng sản xuất.

Gia đình bà X sử dụng phần đất được chia này đến năm 2007 thì tỉnh Bình Dương có chủ trương ngưng không cho sản xuất gồm tại địa phương mà yêu cầu di dời đến các địa điểm tập trung theo chủ trương của tỉnh. Năm 2007, chồng bà X mất, bản thân bà X và các con do không có điều kiện di dời để tiếp tục sản xuất nên gia đình không tiếp tục sản xuất gồm mà sử dụng đất để canh tác, trồng hoa màu. Hiện nay, bà X và các con (đại diện cho ông Vương L đã mất) đang làm thủ tục đo đạc, đăng ký để yêu cầu cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên. Theo kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất ngày 05/5/2022, phần đất của gia đình bà X có diện tích là 187,4 m<sup>2</sup> tọa lạc tại tổ H, khu phố I, phường C, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Bà Vương Ngọc D là chủ sử dụng thửa đất số 193, tờ bản đồ số 66, diện tích 184,5 m<sup>2</sup> theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH03957 cấp ngày 16/4/2015, cập nhật biến động sang tên cho bà Vương Ngọc D ngày 09/6/2020. Bà X khẳng định không lấn chiếm con đường đi chung, con đường này vẫn đảm bảo diện tích trên thực tế và phù hợp với con đường mà Nhà nước đã thể hiện trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà bà D đã được cấp.

Con đường đi chung này có nguồn gốc từ ngày 25/10/2010, khi các chủ đất thuộc cơ sở gồm Vương T1 đã cùng nhau thống nhất chừa ra một phần đường rộng 03 mét để làm lối đi chung. Cây trụ sắt do bà X cắm chính là ranh giới đất của gia đình bà đang sử dụng với đường đi 03 mét theo như thỏa thuận. Bà X khẳng định ranh đất mà gia đình bà đang sử dụng là đúng, không lấn chiếm đường đi chung như bà D nêu trong đơn khởi kiện.

Nhận thấy việc bà D tranh chấp đất một cách vô lý, không có cơ sở nhằm mục đích tạo sự kiện pháp lý có tranh chấp đất đai tại địa phương, cản trở gia đình bà X thực hiện các quyền đăng ký kê khai để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Bà X không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà D. Bà X chỉ cắm các trụ sắt lên trên phần đất của bà, không cắm lấn sang con đường đi chung nên không đồng ý dỡ các trụ sắt. Phần đất của bà X thì chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Đối với đóng gạch, bà X chỉ để trên phần đất có nguồn gốc từ đất của nhà bà, không để trên lối đi chung nên không đồng ý di dời.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Vương XI, bà Lý Thu HI trình bày:*

Ông X1 là cha của bà Vương Ngọc D, chủ bất động sản tại thửa đất số 193, tờ bản đồ số 66, tọa lạc tại tổ H, khu phố I, phường C, thành phố T, tỉnh Bình Dương (Giấy chứng nhận số CH03957 do UBND thành phố T cấp ngày 16/01/2015). Theo giấy chứng nhận, phía trước nhà là đường rộng 5,3m, tiếp giáp với đường phía đối diện là đất của bà Lê Thị X.

Về việc lấn chiếm đất công (một phần con đường): Từ năm 2022, tại ngã ba từ hẻm G nối với đầu đường đất đi vào nhà ông Vương X1 và các hộ dân lân cận, bà X1 đã để một đồng gạch có chiều ngang khoảng 3m, chiều dài khoảng 3m trên phần đất trống của con đường. Nguồn gốc hình thành con đường này, theo sơ đồ mặt bằng được nhà nước cấp cho cơ sở gồm sù Phước Thái P1 (V), thì khu đất đang bị chiếm dụng từ xưa đến nay vốn là đường đi để vận chuyển nguyên vật liệu cho các chủ lò và để người dân trong xóm qua lại.

Đến ngày 24/10/2010, theo biên bản họp thống nhất làm đường đi chung của đại diện hai dãy lò hai bên đường gồm: bà Nguyễn Thị S (1958); ông Vương T (1952); ông Vương X1 (1959); bà Lê Thị X (1959); ông Vương H2 (1956); ông Vương Trí D1 (1960); ông Vương V1 (1929), con đường được thống nhất rộng 3m, mỗi bên đóng góp 1,5m và được quy ước các mốc như sau: Một bên là lò ông Vương V1 và đầu lò của bà Nguyễn Thị S, còn đầu lò bên kia thì tính từ mái nhà xây của ông Vương H2 đưa ra. Từ mái nhà xây này, con đường được đo ra 3m, lấy điểm giữa làm tâm để xác định chiều rộng cho đoạn cuối.

Theo hiện trạng thực tế, đồng gạch bà X để chiếm ngang đường nằm trên thửa đất trống, cũng là lối đi vận chuyển nguyên vật liệu, hàng hóa và lối đi của người dân, đồng thời nằm phía ngoài ranh nhà xây của ông Vương H2. Vì vậy, việc bà X khẳng định đây là phần diện tích đất của gia đình bà từ trước là không có cơ sở.

Theo Giấy chứng nhận của bà Vương Ngọc D, phía trước nhà có con đường được nhà nước công nhận với bề rộng mặt đường đoạn lớn nhất là 5,3m, đoạn giữa là 3,6m và đoạn giáp tường là 3,2m, có các cọc mốc và theo đúng ranh địa chính của nhà nước. Trong hai ngày 30/07/2021 và 31/07/2021, bà X và các con đã hủy hoại các cọc mốc hiện hữu được nhà nước công nhận và trồng lại các cọc bê tông cốt thép mới để lấn ra phía ngoài đường đi chung một khoảng 60cm. Sự việc này không những ảnh hưởng rất lớn đến lối đi chung của gia đình ông Vương X1 mà còn làm thay đổi các cột mốc tọa độ mà phường C đã đo đạc và lập khi cấp giấy chứng nhận cho bà D theo đúng quy định của pháp luật.

Yêu cầu bà X1 hoàn trả các cột mốc theo đúng các mốc địa chính đã được xác lập để trả lại phần đường đi trước nhà, đồng thời không dẫn đến việc chổng lẩn ranh địa chính trên hệ tọa độ VN-2000 vì sẽ ảnh hưởng đến những công việc pháp lý về đất đai sau này.

Bà Lý Thu H1 hoàn toàn đồng ý với ý kiến của bà Vương Ngọc D. Ông Vương X1 và bà Lý Thu H1 có đơn xin vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án cho đến khi có quyết định, bản án có hiệu lực và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lý V trình bày:*

Bà V là vợ của ông Vương T, hiện nay ông Vương T bị bệnh nên không thể đến làm việc với Tòa án. Theo biên bản họp thống nhất ngày 25/10/2010, chồng bà V (ông T) có dự họp và ký vào biên bản thỏa thuận này, theo đó đồng ý cùng chia lỏi đi chung vào đất.

Hiện trạng con đường chung được thỏa thuận rộng 3m, tính từ đầu đường nhựa kéo xuống đường đất. Hiện nay, con đường này đã được đổ bê tông một phần. Đầu của con đường 3m này là nhà của ông Vương X1 (đã giao cho ông Vương Tấn P quản lý), cuối đường giao cắt với một con đường khác đã có sẵn từ trước.

Hiện nay, con đường này trên thực tế chỉ còn ông Vương Tấn P, ông Vương H2, ông Vương T, bà Lê Thị X, ông Vương X1, bà D, và ông Vương Trí D1 sử dụng, không còn ai khác.

Trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà V yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Bà V không có yêu cầu gì trong vụ án này. Hiện nay, ông Vương Trí D1 đi đâu, ở đâu thì bà V không biết. Bà V sẽ đi con đường khác, không đi trên con đường này nữa. Bà D cũng không còn đi trên con đường này nữa.

Bà V có đơn xin vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án cho đến khi có quyết định, bản án có hiệu lực.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Vương Tấn P trình bày:* Ông P thống nhất với lời trình bày của bà Lý V và ông Vương H2 tại bản tự khai ngày 03/5/2024 và không bổ sung gì thêm. Ông P có đơn xin vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án cho đến khi có quyết định, bản án có hiệu lực.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Vương H2 trình bày:* Ông H2 thống nhất với lời trình bày của bà Lý V tại bản tự khai ngày 03/5/2024 và không bổ sung gì thêm. Ông H2 có đơn xin vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án cho đến khi có quyết định, bản án có hiệu lực.

*Người làm chứng ông Nguyễn Đức H3 trình bày:* Ông H3 hiện nay là phó khu phố I, phường C, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Vào ngày 25/10/2010, ông H3 có lập biên bản thống nhất làm đường đi chung qua các hộ dân. Hiện nay, con đường đi chung này gồm các ông bà Vương T, Lê Thị X, Vương X1, Vương D, Vương H2 và Vương Tấn P sử dụng. Về ông Vương Trí D1 có đất phía sau đất bà D, hiện nay ông D1 đi đâu, sống ở đâu thì ông H3 không rõ. Hiện nay, con đường 3m mà các hộ dân đã thỏa thuận từ năm 2010 chỉ khác là con đường đã đổ bê tông. Nay đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về phần đất đầu đường có đóng gạch hiện các bên đang tranh chấp là của bà Lê Thị X, hiện nay đất này bà X chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ông H3 có đơn xin vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án cho đến khi có quyết định, bản án có hiệu lực.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 183/2024/DS-ST ngày 20/9/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương (nay là Tòa án nhân dân khu vực 15 – Thành phố Hồ Chí Minh) đã quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Vương Ngọc D đối với bị đơn bà Lê Thị X về việc “Yêu cầu chấm dứt hành vi trái pháp luật”.

Buộc bà Lê Thị Xuân di D2 03 cây trụ ra khỏi lối đi chung trước thửa đất số 193, tờ bản đồ số 66 đất tại phường C, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Buộc bà Lê Thị Xuân di D2 đóng gạch trên diện tích 13,6m<sup>2</sup> ra khỏi lối đi chung tại khu phố I, phường C, thành phố T, tỉnh Bình Dương (có sơ đồ bản vẽ kèm theo)

Sau khi xét xử sơ thẩm, bị đơn bà X có đơn kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người kháng cáo vẫn giữ yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không tự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày quan điểm: Căn cứ vào giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của chính bà D và biên bản thẩm định tại chỗ, lối đi chung vẫn còn nguyên trạng, không bị lấn chiếm. Phần đất có đóng gạch diện tích 13,6 m<sup>2</sup> không nằm trên lối đi chung. Do đó, việc bà D yêu cầu di dời là không có cơ sở. Việc bà X cấm ranh là để tiến hành thủ tục xin cấp giấy chứng nhận cho phần đất của mình. Yêu cầu của bà D buộc bà X phải cấm ranh lùi vào trong chỉ nhằm mục đích mở rộng lối đi để thuận tiện cho việc đi lại bằng xe hơi của bà D là không hợp lý. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, sửa Bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm.

Về nội dung: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là không có căn cứ. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, sửa Bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn, ý kiến của Kiểm sát viên.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Người đại diện hợp pháp của bị đơn là ông Phạm Đình N, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Vương X1, bà Lý Thu H1, ông Vương T, bà Lý V, ông Vương Tấn P và ông Vương H2 có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nên Hội đồng tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự trên theo quy định tại Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Theo chứng cứ và lời trình bày của các đương sự, đất của bà X1 đối diện với đất của bà D, ngăn cách bởi một con đường. Theo biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ, đất của bà X1 đối diện đất của bà D. Theo kết quả đo đạc tại Mạnh trích lục địa chính ngày 15/5/2023 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố T, có hai phần đất tranh chấp, bao gồm: phần đất 8,5m<sup>2</sup> (phần đối diện, tiếp giáp hướng Nam đường bê tông) và phần đất 13,6m<sup>2</sup> (tiếp giáp cạnh hướng Bắc lối đi).

[3] Căn cứ vào kết quả đo đạc nêu trên đã được đối chiếu bản đồ thì diện tích tranh chấp 8,5m<sup>2</sup> và 13,6m<sup>2</sup> không có phần diện tích nào là đường đi. Chứng cứ tại hồ sơ thể hiện bà X1 đang là người quản lý, sử dụng đối với phần đất 8,5m<sup>2</sup>, bà X1 cắm các trụ trên đất của bà và để gạch trên phần đất 13,6m<sup>2</sup> của dòng họ gia đình bà. Tại biên bản xác minh (bút lục 110) xác định diện tích 13,6m<sup>2</sup> có nguồn gốc của cơ sở gồm Phước Thái P1 và chưa được cấp giấy chứng nhận. Như vậy, bà X1 cũng không có hành vi để gạch lấn chiếm lối đi như nguyên đơn trình bày.

[4] Từ những phân tích trên, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là không có căn cứ. Kháng cáo của bị đơn và đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn là có căn cứ.

[5] Đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tại phiên tòa là phù hợp.

[6] Chi phí tố tụng: Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, đo đạc, định giá, thu thập chứng cứ là 5.000.000 đồng. Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không được chấp nhận nên nguyên đơn phải chịu theo quy định tại Điều 157 và Điều 165 của Bộ luật Tố tụng dân sự (đã thực hiện xong).

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Vương Ngọc D phải chịu theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[8] Về án phí dân sự phúc thẩm: Người kháng cáo không phải chịu. Bà X1 là người cao tuổi nên được miễn nộp.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ Điều 148, Điều 296, khoản 2 Điều 308, Điều 309, Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 169 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận kháng cáo của bà Lê Thị X.

2. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 183/2024/DS-ST ngày 20/9/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương (nay là Tòa án nhân dân khu vực 15 – Thành phố Hồ Chí Minh), như sau:

2.1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Vương Ngọc D đối với bị đơn bà Lê Thị X về việc “Yêu cầu chấm dứt hành vi trái pháp luật”.

2.2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Vương Ngọc D phải chịu số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào Biên lai thu tiền số AA/2021/0002168 ngày 07/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 15 - Thành phố Hồ Chí Minh).

2.3. Chi phí tố tụng: Bà Vương Ngọc D phải chịu 5.000.000 đồng, được khấu trừ vào tạm ứng đã nộp (đã thực hiện xong).

3. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Lê Thị X được miễn nộp.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

**Nơi nhận:**

- TAND tối cao;
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh;
- THADS Thành phố Hồ Chí Minh;
- Phòng THADS khu vực 15 – Thành phố Hồ Chí Minh;
- TAND khu vực 15 – Thành phố Hồ Chí Minh;
- Đương sự;
- Lưu: HS, VP (16), 72.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đinh Thị Mộng Tuyết**